| | |
|---|---|
| **TÒA PHÚC THẨM**<br>**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**<br>**TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 235/2025/HC-PT
Ngày 03 tháng 11 năm 2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Điền

*Các Thẩm phán*: Ông Thái Duy Nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Dũng

***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thẩm tra viên.

Đại diện ***Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Giang***, Kiểm sát viên.***

Ngày 03 tháng 11 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Phòng xét xử trực tuyến Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai bằng hình thức trực tuyến xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 39/2025/TLPT-HC ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính", do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4636/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1977; địa chỉ trước đây: xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; địa chỉ hiện nay: xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn S:* Ông Nguyễn Đức T, Luật sư của Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

***- Người bị kiện:***

(1) Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.
(2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

*Nay kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là:* Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cao Bằng.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ma Thế H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cao Bằng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Trương P, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cao Bằng (có mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Ma Thị S1 và ông Hoàng Văn H1; địa chỉ trước đây: xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; địa chỉ hiện nay: xóm N, xã C, tỉnh Cao Bằng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***- Người kháng cáo:*** Ông Hoàng Văn S (Là người khởi kiện).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Toà án, người khởi kiện là ông Hoàng Văn S trình bày:*

Ngày 17/4/2024, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B, tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 1092/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Thủy điện Bảo Lạc A. Hạng mục: Công trình chính, công trình phụ trợ và lòng hồ (Giai đoạn 1). Quyết định này áp dụng điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 để thu hồi thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 2, diện tích 9.865,4m$^2$ của gia đình ông S là không đúng, vì đây không phải là dự án do Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh chấp thuận quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai hoặc nếu đúng thì Quyết định này cũng vi phạm khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013.

Thửa đất của gia đình ông S bị thu hồi đều nằm gọn trong phạm vi công trình chính, công trình phụ trợ và lòng hồ thủy điện Bảo Lạc A. Gia đình ông S có 9.865,4m$^2$ đất do ông bà, cha mẹ để lại và hiện được sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm nhưng lại bị áp theo mức giá đất đối với đất rừng sản xuất nên ông đề nghị được đền bù theo mức giá đất trồng cây hàng năm.

Những cây trồng hàng năm, lâu năm của gia đình ông không được tính đủ số m$^2$, m$^3$, số lượng hoặc tuổi cây theo thực tế, ông đề nghị phải tính đủ số m$^2$, m$^3$, số lượng tuổi cây theo thực tế để gia đình ông phải chịu ít thiệt hại nhất có thể.

Do Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện B áp dụng điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 để thu hồi đất của gia đình ông S với diện tích 9.865,4m$^2$ nên đơn giá được áp dụng theo đơn giá hiện hành do UBND tỉnh C công bố. Giá đất này không còn phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường theo nguyên tắc định giá đất quy định tại Điều 112 Luật Đất đai đã gây ra rất nhiều thiệt hại đối với gia đình nên ông S đề nghị được áp dụng Điều 73 Luật Đất đai để gia đình ông chịu ít thiệt hại nhất có thể.

Do những vướng mắc trên nên gia đình ông chưa bàn giao đất cho chính quyền. Ngày 08/10/2024, Chủ tịch UBND huyện B ra Quyết định số 3158/QĐ-UBND cưỡng chế đất của gia đình ông là chưa thỏa đáng.

Vì những lý do trên, ông S khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Thủy điện Bảo Lạc A. Hạng mục: Công trình chính, công trình phụ trợ và lòng hồ (Giai đoạn 1);

- Hủy Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện B về việc Phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Thủy điện Bảo Lạc A. Hạng mục: Công trình chính, công trình phụ và lòng hồ (Giai đoạn 1), địa điểm: Xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

- Hủy Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về việc Cưỡng chế thu hồi đất.

*2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND huyện B trình bày:*

Trình tự, thủ tục, căn cứ pháp lý để ban hành các Quyết định 1092/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện B về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Thủy điện Bảo Lạc A. Hạng mục: Công trình chính, công trình phụ trợ và lòng hồ (Giai đoạn 1) địa điểm: Xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng (*sau đây viết tắt là:* Dự án); Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện B về việc Phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án; Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về việc Cưỡng chế thu hồi đất: Được thực hiện theo quy định tại Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND tỉnh C.

Gia đình ông S bị thu hồi một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 2, loại đất rừng sản xuất, hiện trạng trên đất khi thu hồi có trồng các loại cây lấy gỗ như sa mộc, xoan, lát. UBND huyện B không có ý kiến gì về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất của ông S vì ông S không có ý kiến gì về những nội dung này mà chỉ thắc mắc giá đền bù thấp, chưa thỏa đáng.

Ngày 08/11/2024, UBND huyện B nhận được đơn khiếu nại của ông Hoàng Văn S. Sau khi xem xét đơn khiếu nại, đến ngày 11/11/2024 UBND huyện B đã ban hành Thông báo số 92/TB-UBND về việc đơn chưa đủ điều kiện thụ lý giải quyết khiếu nại.

Hiện nay các Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 17/4/2024; Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 17/4/2024; Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 đã được thi hành. UBND huyện B không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông S do đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về thu hồi đất đúng theo quy định của Luật đất đai.

*3. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã quyết định:* Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S.

*4. Kháng cáo:* Ngày 30/6/2025, người khởi kiện là ông Hoàng Văn S có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

*5. Tại phiên tòa phúc thẩm:*

5.1. Ông Hoàng Văn S giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

5.2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn S là Luật sư Nguyễn Đức T phát biểu ý kiến: Diện tích đất gia đình ông S sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc của ông, bà, cha, mẹ ông S để lại cho ông S, được gia đình sử dụng liên tục trồng cây hàng năm và các loại cây khác để bảo đảm cuộc sống. Theo quy định của Luật Đất đai thì một phần diện tích đất này được chuyển đổi mục đích sử dụng. UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ là chưa phù hợp với nguồn gốc đất và quy định của pháp luật, gây nhiều thiệt hại cho gia đình ông S. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S.

5.3. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Hoàng Văn S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5.4. Kiểm sát viên đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nội quy phiên tòa và đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá nội dung, các tình tiết của vụ án và nội dung kháng cáo của ông S, Kiểm sát viên kết luận Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S là có căn cứ pháp luật. Ông Hoàng Văn S kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nhưng không giao nộp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không đưa ra được căn cứ pháp luật của việc kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp và của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Văn S trình bày những căn cứ, lý do ông khởi kiện vụ án yêu cầu hủy các quyết định

hành chính như sau: *Thứ nhất*, Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện B áp dụng điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai để thu hồi đất của gia đình ông nên đơn giá bồi thường áp dụng theo giá hiện hành do UBND tỉnh C công bố là không phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường theo nguyên tắc định giá đất quy định tại Điều 112 Luật Đất đai nên gây nhiều thiệt hại cho gia đình ông, do vậy ông S đề nghị được áp dụng Điều 73 Luật Đất đai để gia đình chịu ít thiệt hại nhất. *Thứ hai,* toàn bộ diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc của ông bà, cha mẹ để lại và được sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm nhưng lại bị áp giá đất rừng sản xuất là không đúng. *Thứ ba*, những cây trồng trên đất không được tính đủ diện tích, khối lượng, số lượng, tuổi cây theo thực tế. *Thứ tư,* do có những vướng mắc trên nên gia đình chưa bàn giao đất nhưng ngày 08/10/2024 Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 3158/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của của gia đình ông là chưa thoả đáng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về căn cứ thu hồi đất:

Hồ sơ vụ án thể hiện Dự án thủy điện Bảo Lạc A đã được Hội đồng nhân dân tỉnh C chấp thuận tại Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 thông qua danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023; Nghị quyết số 96/NQ-HĐND cùng ngày 09/12/2022 thông qua danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2023 và đã được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện B tại Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2022.

Do đó, Dự án thủy điện B là "Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm… điện lực,…" do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nên việc thu hồi đất thực hiện Dự án này thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013. Ông Hoàng Văn S cho rằng việc thu hồi đất của gia đình ông thuộc trường hợp áp dụng Điều 73 của Luật Đất đai năm 2013 "Sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh" là có sự nhầm lẫn, không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về việc ban hành các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ vụ án thể hiện:

[2.1] Ngày 03/10/2023 UBND huyện B ban hành Thông báo số 408/TB-VP về triển khai thực hiện đầu tư Dự án.

[2.2] Sau khi thực hiện các thủ tục kiểm đếm và ban hành Thông báo thu hồi đất cho người có đất bị thu hồi, ngày 17/4/2024 UBND huyện B ban hành Quyết định số 1092/QĐ-UBND "Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Thủy điện Bảo Lạc A…" có nội dung thu hồi tổng diện tích 282.185,6m$^2$ đất của UBND xã C và các hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng đất tại xóm N và xóm N, xã C, huyện B (gồm 30 hộ gia đình, cá nhân, tập thể). Theo Bản danh sách kèm theo

Quyết định này thể hiện tại số thứ tự 9, gia đình ông Hoàng Văn S bị thu hồi diện tích 9.865,4m$^2$ đất tại thửa số 15, tờ bản đồ trích đo số 2 (thửa 314, tờ bản đồ địa chính số 2), loại đất "RSX". Đối chiếu với Biên bản về việc kiểm kê đất đai, tài sản, vật kiến trúc trên đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất lập ngày 13/12/2023 (bút lục: 224, 225) thì nội dung Quyết định thu hồi đất trên là đúng với diện tích đất, loại đất đã được gia đình ông S xác nhận.

[2.3] Cùng ngày 17/4/2024, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UBND "Về việc Phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Thủy điện Bảo Lạc A. Hạng mục: Công trình chính, công trình phụ và lòng hồ (Giai đoạn 1), địa điểm: Xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng".

Theo Phương án chi tiết kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND thể hiện gia đình ông S được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 257.062.766 đồng, trong đó: bồi thường về đất là 97.667.460 đồng; bồi thường cây trồng là 26.212.406 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm là 133.182.900 đồng.

Quá trình thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng, ông S và một số hộ dân có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường nêu trên; trong đó, ông S cho rằng đất của ông là đất trồng cây hàng năm vì gia đình ông liên tục sử dụng trồng ngô và không tính đủ số cây theo thực tế. Tuy nhiên, xem xét Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư lập ngày 14/11/2023 về việc xác định loại đất của gia đình ông S bị thu hồi thể hiện là "Đất rừng sản xuất"; tại Biên bản về việc kiểm kê đất đai, tài sản, vật kiến trúc trên đất lập ngày 13/12/2023 đối với hộ ông Hoàng Văn S (có chữ ký của ông S) thể hiện: thửa đất số 15, tờ bản đồ số 2, diện tích 9.865,4m$^2$ là "Đất rừng sản xuất"; cây trồng trên đất có tổng số 1.232 cây (gồm: 1.200 cây sa mộc, 06 cây gạo, 20 cây xoan ta và 06 cây lát hoa), không có ngô trên đất. Do đó, việc ông S cho rằng thửa đất của gia đình ông là đất trồng cây hàng năm vì gia đình liên tục sử dụng trồng ngô và không tính đủ số cây theo thực tế là hoàn toàn không có căn cứ.

[2.4] Trên cơ sở đánh giá tính hợp pháp của các Quyết định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định:

Quyết định số 1092/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1091/QĐ-UBND cùng ngày 17/4/2024 về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn S) đã được UBND huyện B ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66, khoản 1 Điều 67, khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013; nội dung Quyết định số 1092/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đúng với diện tích, loại đất đã được gia đình ông S xác nhận và nội dung Quyết định số 1091/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã áp dụng đúng các quy định của Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và các Quyết định của UBND tỉnh C tại thời điểm thu hồi đất và phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 về việc ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 về

việc ban hành quy định bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng).

Trên cơ sở những nội dung nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1092/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1091/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND huyện B ban hành cùng ngày 17/4/2024 là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Đối với Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất, xét thấy:

Theo những nội dung phân tích ở trên đã có đủ căn cứ xác định quá trình thu hồi đất và phê duyệt dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án đã được UBND huyện B thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 30/9/2024 của UBND xã C về kết quả triển khai thực hiện sau khi Tổ công tác tuyên truyền, vận động các hộ dân chấp hành chủ trương thu hồi đất thực hiện Dự án; Biên bản tuyên tuyền, vận động các hộ dân chấp hành chủ trương thu hồi đất ngày 08/9/2024; Công văn số 1796/CV-HĐBT ngày 02/10/2024 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư về việc xem xét ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với 13 hộ gia đình thuộc Dự án (trong đó xác định hộ ông S đã được vận động nhiều lần nhưng không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để bàn giao mặt bằng thực hiện Dự án), Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn S là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và căn cứ pháp luật theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai, Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S về việc hủy Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện B là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Tổng hợp những tình tiết, sự kiện, những nội dung phân tích ở trên và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Việc ban hành quyết định thu hồi đất; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Hoàng Văn S đã được UBND và Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Cao Bằng thực hiện bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng căn cứ pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính.

Ông Hoàng Văn S kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nhưng những lý do, ý kiến của ông S và của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông S trình bày tại đơn kháng cáo cũng như phát biểu tại phiên tòa hầu hết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá không phù hợp với quy định của pháp luật là đúng; ngoài ra ông S không giao nộp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới làm căn cứ pháp luật chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn S.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hoàng Văn S có kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hoàng Văn S; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Hoàng Văn S được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 03 tháng 11 năm 2025).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Điền**

***Nơi nhận:***
- Vụ 4 Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.